A 4

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3094/QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 03 tháng 10 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH

Duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Trường huyện Xuân Lộc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 12/2008/QĐ-BYT ngày 27/02/2008 của Bộ Y tế về "Tiêu chuẩn về kiến thức, kỹ năng của nhân viên y tế và trang thiết bị y tế trong chăm sóc chấn thương thiết yếu"; Quyết định số 3447/QĐ-UBND ngày 22/9/2011 của Bộ Y tế về việc ban nhành bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011 - 2020;

Sau khi xem xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 505/TTr-SKHĐT ngày 30/10/2013; Văn bản số 2268/SKHĐT-XDCB ngày 26/9/2014 về việc phê duyệt các dự án đầu tư đã trình UBND tỉnh dự thảo quyết định đầu tư đảm bảo nguồn vốn thực hiện năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật, như sau:

1. Tên hồ sơ: Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Trường huyện Xuân Lộc.

2. Địa điểm xây dựng: vị trí hiện hữu tại xã Xuân Trường huyện Xuân Lộc. Khu đất thuộc thửa đất tạm số 266A1 tờ bản đồ địa chính số 9 xã Xuân Trường huyện Xuân Lộc, do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đồng Nai chi nhánh Xuân Lộc thực hiện ngày 16/5/2013, diện tích khu đất khoảng 870,7m^2, trong đó có khoảng 35,8m^2 diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình đường tỉnh lộ 766 (theo Quyết định số 3702/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh), diện tích khu đất còn lại khoảng 834,9m^2 là đất quy

hoạch cơ sở y tế (theo Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 29/01/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

3. Chủ đầu tư: Sở Y tế.

4. Đơn vị lập hồ sơ: Công ty TNHH tư vấn kiến trúc xây dựng LCA. Chủ nhiệm lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật Kiến trúc sư Đoàn Việt Cường.

5. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Trường huyện Xuân Lộc, nhằm tạo cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu về chăm sóc sức khỏe ban đầu, tuyên truyền giáo dục sức khỏe, các hoạt động chuyên môn y tế cộng đồng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, kế hoạch hóa gia đình, sơ cứu, chăm sóc bệnh thông thường, các chương trình tiêm chủng và các chương trình y tế khác tại địa phương, khám bảo hiểm y tế cho nhân dân trên địa bàn xã.

6. Quy mô đầu tư - Phương án thiết kế, giải pháp xây dựng:

- Mặt bằng tổng thể bố trí xây dựng mới Trạm Y tế xã Xuân Trường huyện Xuân Lộc trên khu đất có diện tích còn lại khoảng 834,9m^2 do Công ty TNHH tư vấn kiến trúc xây dựng LCA lập, diện tích chiếm đất khoảng 325m^2, gồm các hạng mục:

- Khối nhà khám và điều trị (02 tầng), diện tích sàn xây dựng khoảng 469,2m^2. Kết cấu móng, cột, khung chịu lực bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ, cầu thang, mái bằng bê tông cốt thép trên kết hợp lợp tôn, tường thu hồi + vì kèo + xà gồ thép. Tường bao che xây gạch. Nền, sàn lát gạch Granite. Hệ thống cửa đi, cửa sổ khung nhôm kính có hoa sắt bảo vệ (riêng hệ thống cửa nhà vệ sinh bằng khung nhôm kính mờ). Điện, nước, sơn đầy đủ. Chiều cao tầng trệt là 3,9 mét, tầng lầu là 3,6 mét.

- Nhà ăn, bếp, kho, phòng để máy phát điện dự phòng, hành lang cầu nối (01 tầng), diện tích xây dựng khoảng 38,28m^2. Kết cấu móng, cột, khung chịu lực bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ, mái bằng bê tông cốt thép trên kết hợp lợp tôn, tường thu hồi + vì kèo, xà gồ thép. Tường bao che xây gạch, tường phòng bếp ốp gạch men. Nền phòng bếp lát gạch Granite nhám, nền phòng để máy phát điện dự phòng bằng bê tông đá 1x2 M.200. Hệ thống cửa đi, cửa sổ khung nhôm kính có hoa sắt bảo vệ. Điện, nước, sơn đầy đủ.

- Nhà để xe 02 bánh, diện tích xây dựng khoảng 42m^2. Kết cấu móng bê tông cốt thép đổ tại chỗ, hệ khung, cột sắt, mái lợp tôn, nền bê tông đá 1x2 M.200.

- Cổng, tường rào xây gạch (mặt tiếp giáp với đường giao thông xây dựng hàng rào thoáng đẹp). Bảng tên công trình.

- San nền cục bộ, sân, đường nội bộ bằng bê tông đá 1x2.

- Cây xanh, thảm cỏ, vườn thuốc nam, bồn hoa, gờ lề, cột cờ...

- Hệ thống cấp điện toàn khu (kể cả chiếu sáng ngoài nhà, chống sét dạng kim thu sét độc lập, máy phát điện dự phòng...). Nguồn điện được cấp cho công trình lấy từ hệ thống điện hạ thế chung của khu vực dọc đường nhựa tỉnh lộ 766 phía trước cổng vào chính Trạm y tế.

- Hệ thống cấp, thoát nước toàn khu: Nước cấp sử dụng từ nguồn giếng khoan (khoan 01 giếng), xây dựng bể nước ngầm 30m^3 dự trữ nước sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy, máy bơm; Nước mưa được thu gom vào hệ thống mương, cống quanh công trình kết nối vào hệ thống thoát nước chung; Nước thải từ khu vệ sinh (sau khi được lắng, lọc qua bể tự hoại) và nước thải y tế được thu gom bằng hệ thống riêng đưa vào trạm xử lý nước thải (công nghệ AAO) xử lý đạt chuẩn trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực (hệ thống thoát

nước chung của khu vực dọc đường nhựa tỉnh lộ 766 phía trước cổng vào chính Trạm y tế).

- Trang thiết bị về phòng cháy chữa cháy (bình bột, bình CO_2, bảng tiêu lệnh...)

7. Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng: xây dựng mới trên đất hiện hữu.

8. Loại công trình xây dựng mới, dự án nhóm C, thuộc công trình dân dụng, cấp công trình cấp 3.

9. Tổng mức vốn đầu tư : 10.122.506.000 đồng

Trong đó:

Xây lắp : 6.867.818.000 đồng

Thiết bị : 710.935.000 đồng

Chi phí khác, Quản lý dự án,

Tư vấn đầu tư xây dựng: 829.235.000 đồng

Dự phòng phí : 1.714.518.000 đồng

(Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh(5%

Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá 14,8%)

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

10. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

11. Phương thức tổ chức đầu tư: theo quy định.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

13. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2015 - 2017.

14. Trách nhiệm Chủ đầu tư:

- Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn căn cứ địa chất, địa hình, cao độ chuẩn quy hoạch để nghiên cứu kỹ thêm việc xử lý móng, san nền đảm bảo không gây ngập úng cục bộ và không lãng phí vốn đầu tư; Kiểm tra kỹ khối lượng nhằm hạn chế phát sinh trong quá trình thi công.

- Sử dụng phần dự phòng cho yếu tố trượt giá đúng mục đích.

- Rà soát lại các chi phí (nhất là về các chi phí tư vấn).

- Về trang thiết bị: tiếp tục sử dụng trang thiết bị hiện hữu. Chủ đầu tư cho rà soát những trang thiết bị cần thiết đầu tư thêm và cho lập vào Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư trang thiết bị chung cho các trạm y tế khác cũng sẽ được cải tạo, xây dựng lại.

- Chủ đầu tư thực hiện quản lý đầu tư xây dựng Dự án theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc, Giám đốc Sở Y tế và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng ĐT;
- Lưu: VT, ĐT.

Trần Minh Phúc

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: 3094 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên hạng mục	Năng lực thiết kế	Vốn đầu tư (đồng)
	Tổng mức vốn đầu tư		**10,122,506,000**
A	**Chi phí xây lắp**		**6,867,818,000**
1	Khối nhà khám và điều trị (02 tầng)	469,2 m^2	4,222,354,000
2	Nhà để xe 02 bánh	42 m^2	104,643,000
3	Nhà ăn, bếp, kho, phòng để máy phát điện dự phòng, hành lang cầu nối (01 tầng)	38,28 m^2	378,000,000
4	Cổng, tường rào xây gạch (mặt tiếp giáp với đường giao thông xây dựng rào thoáng đẹp), bảng tên công trình		809,965,000
5	San nền cục bộ, sân, đường nội bộ bằng bê tông đá 1x2, bồn hoa, gờ lề, cây xanh, vườn thuốc nam, cột cờ...		223,122,000
6	Hệ thống cấp điện toàn khu (kể cả chiếu sáng ngoài nhà, điện động lực, hệ thống thông tin liên lạc, chống sét dạng kim thu sét độc lập, máy phát điện dự phòng...)		680,714,000
7	Hệ thống cấp, thoát nước toàn khu (xây dựng giếng khoan, bể ngầm 30m^3 chứa nước sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy, máy bơm, cống, mương thoát nước, giếng thấm, bể xử lý nước thải y tế...)		314,330,000
8	Đập phá tháo dỡ công trình hiện trạng		134,690,000
	Chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công đã có tính trong các hạng mục trên		
B	**Thiết bị:**		**710,935,000**
1	Hệ thống phòng cháy chữa cháy + thiết bị phòng cháy chữa cháy, bình bột, bình CO_2, bảng tiêu lệnh, hộp cứu hỏa, cuộn ống lăn phun...	01 bộ	237,502,000
2	Máy phát điện 1500VA/220V/50Hz	01 cái	40,000,000
3	Thiết bị xử lí nước thải theo công nghệ AAO công suất 2m^3/ngày đêm	01 bộ	403,433,000
4	Thiết bị xử lý nước sinh hoạt	01 bộ	30,000,000
C	**Chi phí khác, Quản lý dự án, Tư vấn đầu tư xây dựng:**		**829,235,000**
D	**Dự phòng phí:**		**1,714,518,000**
	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh (5%)		*432,959,000*
	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá (14,8%)		*1,281,559,000*